

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	244,135,208,308	267,847,141,403
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,099,778,840	21,488,241,148
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14,149,600,000	8,336,759,118
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	183,781,078,923	171,419,827,537
4	Hàng tồn kho	31,795,435,474	31,632,390,789
5	Tài sản ngắn hạn khác	12,309,315,071	34,969,922,811
II	Tài sản dài hạn	77,103,606,050	78,784,878,004
1	Các khoản phải thu dài hạn	37,830,979,642	39,093,859,050
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	8,650,227,471	8,699,808,864
	- Tài sản cố định vô hình	6,478,550,000	6,478,550,000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16,519,990,000	17,276,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	7,623,858,937	7,236,660,090
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	321,238,814,358	346,632,019,407
IV	Nợ phải trả	203,174,170,760	216,386,507,790
1	Nợ ngắn hạn	203,154,255,760	216,381,326,123
2	Nợ dài hạn	19,915,000	5,181,667
V	Vốn chủ sở hữu	118,064,643,598	130,245,511,617
1	Vốn chủ sở hữu	117,176,776,535	130,161,750,921
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	27,207,000,000	27,207,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		

	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	3,780,186,098	3,780,186,098
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,189,590,437	19,174,564,823
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	887,867,063	83,760,696
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	887,867,063	83,760,696
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	321,238,814,358	346,632,019,407

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64,643,261,507
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64,643,261,507
4	Giá vốn hàng bán	53,654,708,528
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,988,552,979
6	Doanh thu hoạt động tài chính	690,965,477
7	Chi phí tài chính	1,632,894,369
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,410,097,326
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,636,526,761
11	Thu nhập khác	23,962,997
12	Chi phí khác	7,362,534
13	Lợi nhuận khác	16,600,463
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,653,127,224
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,339,297,264
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,313,829,960
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	789

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2009
CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC
 (đã ký)

LÊ HÀ GIANG